

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 08 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bấy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/11/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT01

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.08.001	221A370495	Mai Nhật	An	06/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.08.002	221A070113	Đặng Thị Bình	An	08/06/2004	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.08.003	211A080167	Ngô Hoàng	Ân	04/12/1993	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.08.004	221A031166	Võ Thị Ngọc	Anh	16/09/2004	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.08.005	211A010242	Đinh Thị Phương	Anh	10/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.08.006	211A040153	Phùng Trâm	Anh	30/09/2003	Nghệ An		
7	VHU.TAB1.08.007	201A080335	Lư Mai Huỳnh	Anh	29/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.08.008	181A010062	Nguyễn Đức Kim	Anh	18/03/2000	Cà Mau		
9	VHU.TAB1.08.009	211A030714	Nguyễn Thị Lan	Anh	06/01/2003	Thanh Hoá		
10	VHU.TAB1.08.010	211A080263	Nguyễn Như	Bằng	30/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.08.011	221A370625	Tất Gia	Bảo	15/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.08.012	221A040532	Võ Anh	Bảo	15/06/2004	Vĩnh Long		
13	VHU.TAB1.08.013	221A371082	Lê Chí	Bảo	08/08/2004	An Giang		
14	VHU.TAB1.08.014	201A030725	Phùng Gia	Bảo	16/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.08.015	211A030769	Phan Trương Quý	Bình	06/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.08.016	211A030675	Trần Thanh	Bình	16/07/2003	Gia Lai		
17	VHU.TAB1.08.017	211A080207	Trần Thị Ngọc	Cam	08/02/2003	Lâm Đồng		
18	VHU.TAB1.08.018	225A030008	Vũ Hoàng Ngọc	Châu	02/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.08.019	201A050183	Trần Thị Bảo	Chi	27/07/2002	Nghệ An		
20	VHU.TAB1.08.020	221A030078	Phạm Thị Kim	Chi	03/11/2004	Tây Ninh		
21	VHU.TAB1.08.021	211A290062	Hồ Chí	Cường	07/04/2003	Lâm Đồng		
22	VHU.TAB1.08.022	211A030181	Nguyễn Hữu	Danh	07/06/2003	Đồng Tháp		
23	VHU.TAB1.08.023	221A310305	Hoàng Hồng	Diễm	10/04/2004	Gia Lai		
24	VHU.TAB1.08.024	221A310034	Trình Thị Thái	Diệu	17/09/2004	Đắk Lắk		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.08.025	211A010148	Mai Tài	Đức	15/08/2003	Đồng Nai		
26	VHU.TAB1.08.026	221A300232	Đặng Viết	Đức	07/07/2004	Đắk Lắk		
27	VHU.TAB1.08.027	181A220005	Ngô Anh	Đức	17/05/2000	An Giang		
28	VHU.TAB1.08.028	211A030689	Nguyễn Huỳnh Kim	Dung	12/03/2003	Gia Lai		
29	VHU.TAB1.08.029	201A070169	Lê Huỳnh Thuý	Dung	15/05/2002	Thành phố Cần Thơ		
30	VHU.TAB1.08.030	211A050232	Nguyễn Thị	Dung	01/03/2003	Tây Ninh		
31	VHU.TAB1.08.031	221A030757	Huỳnh Yển	Dương	31/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.08.032	191A080077	Nguyễn Thuý	Dương	23/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.08.033	211A080186	Tăng Ánh	Dương	04/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.08.034	221A010280	Nguyễn Nhất	Duy	02/03/2004	Vĩnh Long		
35	VHU.TAB1.08.035	201A080292	Huỳnh Triệu	Duy	06/12/2002	Cà Mau		
36	VHU.TAB1.08.036	211A030617	Lê Hoàng Bảo	Duy	25/12/2003	Gia Lai		
37	VHU.TAB1.08.037	151A100185	Lợi Mai	Duyên	10/04/1997	Đà Nẵng		
38	VHU.TAB1.08.038	221A030341	Trần Kiều	Duyên	30/04/2003	Cà Mau		
39	VHU.TAB1.08.039	211A080122	Nguyễn Phạm Mỹ	Duyên	15/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.08.040	221A300045	Nguyễn Thị	Duyên	01/09/2004	Thanh Hóa		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 08 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bấy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT02
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 30/11/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.08.041	211A040187	Lê Thị Mỹ	Duyên	26/11/2003	Vĩnh Long		
2	VHU.TAB1.08.042	221A050115	Bùi Nữ Hồng	Hà	02/07/2004	Gia Lai		
3	VHU.TAB1.08.043	221A370308	Nguyễn Lê Ngân	Hà	08/02/2004	Khánh Hòa		
4	VHU.TAB1.08.044	221A320105	Trần Thị Thu	Hà	09/08/2004	Đồng Nai		
5	VHU.TAB1.08.045	211A010323	Trần Nguyễn Hoàng	Hải	21/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.08.046	221A320036	Lâm Ngọc	Hân	08/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.08.047	211A031081	Phùng Lâm Thúy	Hằng	28/07/2003	Khánh Hòa		
8	VHU.TAB1.08.048	221A010966	Cao Thị Thuý	Hằng	16/10/2004	Đắk Lắk		
9	VHU.TAB1.08.049	211A210268	Nguyễn Tuyết	Hằng	10/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.08.050	221A070114	Nguyễn Đặng Tú	Hào	22/11/2004	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.08.051	221A020062	Trần Công	Hậu	06/09/2004	Cà Mau		
12	VHU.TAB1.08.052	221A371129	Hồ Thị	Hậu	05/02/2004	Gia Lai		
13	VHU.TAB1.08.053	211A080269	Lê Công	Hậu	20/03/2003	Đồng Tháp		
14	VHU.TAB1.08.054		Trương Phạm Thảo	Hiền	22/01/1988	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.08.055	231A310435	Phạm Ngọc Kim	Hiền	20/10/2005	Đắk Lắk		
16	VHU.TAB1.08.056	161A030963	Huỳnh Lê Hải	Hiền	06/11/1998	Đồng Tháp		
17	VHU.TAB1.08.057	221A320208	Nguyễn Thị Đình	Hiếu	24/10/2004	Đồng Tháp		
18	VHU.TAB1.08.058	221A230260	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	04/10/2004	Khánh Hòa		
19	VHU.TAB1.08.059	221A010913	Trần Thị Thu	Hoài	17/11/2004	Đắk Lắk		
20	VHU.TAB1.08.060	221A040238	Nguyễn Lý Kim	Hoàn	05/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.08.061	231A310037	Nguyễn Bảo	Hoàng	07/03/2005	Lâm Đồng		
22	VHU.TAB1.08.062	221A090006	Nguyễn Huy	Hoàng	24/05/2004	Gia Lai		
23	VHU.TAB1.08.063	211A040186	Lưu Thị	Hồng	26/02/2003	Thanh Hoá		
24	VHU.TAB1.08.064	221A030970	Huỳnh Văn Bích	Hợp	16/10/2004	Đắk Lắk		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.08.065	221A370303	Võ Thị Kim	Huệ	08/03/2004	Khánh Hoà		
26	VHU.TAB1.08.066	211A040097	Lê Thị Bích	Huệ	11/07/2003	Thanh Hoá		
27	VHU.TAB1.08.067	221A320274	Võ Thị Thanh	Hương	13/06/2004	Đồng Tháp		
28	VHU.TAB1.08.068	211A040070	Tạ Thị Thu	Hương	14/10/2003	Phú Thọ		
29	VHU.TAB1.08.069	211A080057	Lê Ngọc Gia	Huy	13/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.08.070	211A080019	Ngô Gia	Huy	12/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.08.071	211A290039	Đoàn Trần Anh	Huy	07/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.08.072	211A010168	Lê Gia	Huy	11/09/2003	Quảng Ngãi		
33	VHU.TAB1.08.073	211A010224	Trần Quốc	Huy	18/05/2003	Đồng Tháp		
34	VHU.TAB1.08.074		Nguyễn Thạc Thương	Huyền	14/11/1996	Ukraine		
35	VHU.TAB1.08.075	201A080374	Nguyễn Như	Huỳnh	25/10/2002	An Giang		
36	VHU.TAB1.08.076	231A300398	Tăng Thị Như	Huỳnh	16/01/2005	Vĩnh Long		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 08 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bấy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/11/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT03

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.08.077	211A070085	Ngô Quốc	Khang	13/12/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.08.078	221A040602	Phan Văn	Khánh	21/10/2004	Khánh Hoà		
3	VHU.TAB1.08.079	191A030430	Lê Quốc	Khiêm	31/01/2001	Vĩnh Long		
4	VHU.TAB1.08.080	211A100109	Phan Thị Yến	Khoa	18/06/2003	An Giang		
5	VHU.TAB1.08.081	211A030838	Nguyễn Tấn	Khoa	03/09/2003	Đồng Tháp		
6	VHU.TAB1.08.082	221A050685	Huỳnh Anh	Khôi	27/01/2004	Tây Ninh		
7	VHU.TAB1.08.083	211A030217	Phạm Trung	Kiên	07/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.08.084	201A080170	Trần Quốc	Kiệt	19/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.08.085	221A320032	Nông Thị	Kiều	28/10/2004	Lâm Đồng		
10	VHU.TAB1.08.086	211A080109	Trần Mỹ	Kim	03/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.08.087	211A210213	Tổng Thượng	Kỳ	06/01/2003	Đắk Lắk		
12	VHU.TAB1.08.088	221A020047	Trần Trung	Lâm	10/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.08.089	221A370693	Thái Thị Yến	Lan	09/07/2004	Vĩnh Long		
14	VHU.TAB1.08.090	221A370118	Lâm Thị Lam	Lê	03/01/2004	Tây Ninh		
15	VHU.TAB1.08.091	211A210089	Đàm Nhã	Linh	19/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.08.092	201A110016	Hoàng Nguyễn Phương	Linh	13/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.08.093	211A030134	Trần Yến	Linh	16/02/2003	Đồng Tháp		
18	VHU.TAB1.08.094	236A030023	Nguyễn Thanh	Lĩnh	04/10/1989	Lâm Đồng		
19	VHU.TAB1.08.095	211A040238	Nguyễn Thị Ly	Ly	06/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.08.096	221A050748	Phạm Thị	Lý	18/06/2004	Đồng Nai		
21	VHU.TAB1.08.097	221A031016	Phan Thị Diệu	Mai	28/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.08.098	201A030261	Nguyễn Châu Kiều	Mai	11/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.08.099	221A371067	Lê Thị	Mai	19/10/2004	Đồng Nai		
24	VHU.TAB1.08.100	211A080236	Huỳnh Minh	Mẫn	07/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.08.101	191A040037	Lê Minh	Mẫn	07/11/2000	Cà Mau		
26	VHU.TAB1.08.102	211A031491	Huỳnh Lê	Mi	07/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.08.103	221A050090	Nguyễn Trần Hà	Mi	18/01/2004	Đắk Lắk		
28	VHU.TAB1.08.104		Huỳnh Lê Nhật	Minh	27/06/2002	Đồng Tháp		
29	VHU.TAB1.08.105	221A370913	Nguyễn Thị Thuý	My	21/05/2004	Đắk Lắk		
30	VHU.TAB1.08.106	211A030759	Nguyễn Lê Kiều	My	30/01/2003	Khánh Hoà		
31	VHU.TAB1.08.107	221A320021	Lưu Hoàng Yến	My	21/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.08.108	221A040329	Nguyễn Thị Quỳnh	My	27/11/2004	Gia Lai		
33	VHU.TAB1.08.109	221A030856	Hồ Như	Mỵ	12/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.08.110		Phù Thanh	Nam	22/02/1089	Quảng Ngãi		
35	VHU.TAB1.08.111	221A030673	Trương Thị Nguyệt	Nga	12/09/2003	Lâm Đồng		
36	VHU.TAB1.08.112	201A070154	Nguyễn Thị	Nga	30/12/2001	Gia Lai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 08 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bấy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/11/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT04

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.08.113	211A210132	Phan Ngọc Mỹ	Ngân	19/05/2003	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.08.114	221A320066	Trần Thị Kim	Ngân	30/05/2004	Lâm Đồng		
3	VHU.TAB1.08.115	211A030085	Phạm Chí	Nghĩa	02/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.08.116	221A230159	Nguyễn Tiến	Nghĩa	27/12/2004	Đồng Nai		
5	VHU.TAB1.08.117	221A320230	Bùi Thị	Ngọc	10/03/2004	Lâm Đồng		
6	VHU.TAB1.08.118	211A320007	Trương Thị Mỹ	Ngọc	12/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.08.119	211A300113	Vũ Thị Hồng	Ngọc	10/11/2003	Hà Nội		
8	VHU.TAB1.08.120	221A170848	Nguyễn Thị Lê	Nguyên	21/12/2004	Lâm Đồng		
9	VHU.TAB1.08.121	211A080262	Nguyễn Phúc	Nguyên	07/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.08.122	211A030266	Phan Lâm Phương	Nguyên	05/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.08.123	221A030899	Nguyễn Tấn	Nguyên	11/01/2004	Gia Lai		
12	VHU.TAB1.08.124	221A370050	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	07/04/2004	Khánh Hoà		
13	VHU.TAB1.08.125	221A360012	Nguyễn Như	Nguyệt	08/01/2004	An Giang		
14	VHU.TAB1.08.126	221A040629	Ngô Thị Thu	Nguyệt	16/02/2004	Gia Lai		
15	VHU.TAB1.08.127	211A030846	Võ Công	Nhã	25/12/2003	Quảng Ngãi		
16	VHU.TAB1.08.128	191A080194	Đinh Trường Xuân	Nhẫn	29/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.08.129	211A170374	Trần Thị Phương	Nhận	21/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.08.130	211A040170	Nguyễn Thị Yến	Nhi	09/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.08.131	221A370278	Dương Thị Yến	Nhi	03/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.08.132	221A050176	Trần Thị Yến	Nhi	28/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.08.133	211A180006	Phạm Hà	Nhi	04/06/2003	Hung Yên		
22	VHU.TAB1.08.134	201A090003	Trần Thị Yến	Nhi	18/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.08.135	211A090001	Phạm Thị Uyên	Nhi	26/04/2003	Quảng Ngãi		
24	VHU.TAB1.08.136	211A050026	Lê Thị Yến	Nhi	11/11/2003	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.08.137	201A330025	Vũ Nguyễn Uyển	Nhi	11/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.08.138	211A080185	Châu Hải	Nhi	18/09/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.08.139	211A070164	Võ Thị Yến	Nhi	26/03/2003	Gia Lai		
28	VHU.TAB1.08.140	221A031123	Nguyễn Huỳnh Thanh	Nhon	05/03/2004	Đồng Tháp		
29	VHU.TAB1.08.141	221A030374	Nguyễn Quỳnh	Như	28/03/2004	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.08.142	221A050095	Nguyễn Hoàng Bảo	Như	15/07/2004	Đồng Tháp		
31	VHU.TAB1.08.143	211A100027	Trịnh Thị Hồng	Như	28/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.08.144	221A030293	Lê Nguyễn Yến	Như	07/12/2004	Tây Ninh		
33	VHU.TAB1.08.145	221A040390	Biện Thị Hương	Như	23/01/2004	Khánh Hoà		
34	VHU.TAB1.08.146	211A030633	Trần Ngô Tuyết	Như	07/05/2003	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.08.147	201A080195	Trương Quỳnh	Như	08/04/2002	Khánh Hòa		
36	VHU.TAB1.08.148	211A030650	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	03/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 08 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bấy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT05
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 30/11/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.08.149	191A080152	Lê Thị Tuyết	Nhung	01/08/2001	Đắk Lắk		
2	VHU.TAB1.08.150	221A040419	Lâm Bích	Nhung	27/11/2004	An Giang		
3	VHU.TAB1.08.151	221A050110	Nguyễn Hồng	Nhung	20/11/2004	Lâm Đồng		
4	VHU.TAB1.08.152	211A040015	Võ Thị Thục	Nữ	29/04/2003	Đắk Lắk		
5	VHU.TAB1.08.153	221A360149	Nguyễn Thị Kim	Oanh	26/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.08.154	211A030552	Phan Thanh	Phát	13/01/2003	Tây Ninh		
7	VHU.TAB1.08.155	221A310150	K' Ngọc	Phi	11/11/2004	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.08.156	221A230343	Lê Kim	Phong	18/03/2004	Khánh Hoà		
9	VHU.TAB1.08.157	211A030362	Lê Phong	Phú	26/03/2003	Tây Ninh		
10	VHU.TAB1.08.158	221A050749	Lê Thành	Phú	12/03/2004	Thành phố Cần Thơ		
11	VHU.TAB1.08.159	151a080025	Trần Minh	Phúc	30/11/1997	Đồng Nai		
12	VHU.TAB1.08.160	223A030016	Nguyễn Trọng	Phúc	30/09/2001	An Giang		
13	VHU.TAB1.08.161	211A230204	Huỳnh Minh	Phúc	16/06/2003	Quảng Ngãi		
14	VHU.TAB1.08.162	221A080059	Đặng Quỳnh Kim	Phụng	24/05/2004	An Giang		
15	VHU.TAB1.08.163	221A360175	Lê Thị Thu	Phương	09/09/2004	Đồng Nai		
16	VHU.TAB1.08.164	221A040425	Huỳnh Đặng Lan	Phương	24/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.08.165	221A370915	Hồ Thanh	Phương	21/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.08.166	211A140178	Huỳnh Thị Bích	Phương	11/06/2003	An Giang		
19	VHU.TAB1.08.167	221A040461	Trịnh Thị Mai	Phương	16/11/2004	Đồng Nai		
20	VHU.TAB1.08.168	221A040259	Lê Diễm	Phương	01/01/2004	Vĩnh Long		
21	VHU.TAB1.08.169	201A080078	Trương Nguyễn Hoàng	Phương	09/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.08.170	221A030210	Lê Ngọc	Quế	12/08/2004	Vĩnh Long		
23	VHU.TAB1.08.171	221A030137	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	06/01/2004	An Giang		
24	VHU.TAB1.08.172	191A250042	Phùng Bảo	Quý	05/10/2001	Vĩnh Long		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.08.173	221A210308	Hà Thị Xuân	Quyên	11/09/2004	Đắk Lắk		
26	VHU.TAB1.08.174	211A030039	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	24/01/2002	Tây Ninh		
27	VHU.TAB1.08.175	221A080127	Lê Thị Ngọc	Quyên	07/12/2004	Vĩnh Long		
28	VHU.TAB1.08.176	211A030374	Phạm Xuân	Quyết	20/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.08.177	231A300283	Nguyễn Như	Quỳnh	08/05/2005	Gia Lai		
30	VHU.TAB1.08.178	221A030204	Trần Diễm	Quỳnh	04/10/2004	An Giang		
31	VHU.TAB1.08.179	211A030814	Lưu Trúc	Quỳnh	27/05/2003	Cà Mau		
32	VHU.TAB1.08.180	211A030774	Dương Nguyễn Phương	Quỳnh	11/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.08.181	211A210296	Võ Thị Thanh	Sương	11/11/2003	Quảng Ngãi		
34	VHU.TAB1.08.182	211A230133	Đặng Minh	Tài	17/09/2003	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.08.183	231A010500	Lê Chí	Tâm	16/02/2005	Tây Ninh		
36	VHU.TAB1.08.184	211A030480	Nguyễn Minh	Tân	22/04/2003	Đồng Tháp		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 08 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/11/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT06

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.08.185	231A100075	Ngô Đình	Tân	01/01/2002	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.08.186	201A100036	Châu Yếu	Tết	16/12/1992	Thành phố Cần Thơ		
3	VHU.TAB1.08.187	181A010039	Hà Khang	Thạch	10/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.08.188	211A030887	Lưu Quốc	Thái	06/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.08.189	221A210639	Nguyễn Thị Mỹ	Thành	11/02/2004	Quảng Ngãi		
6	VHU.TAB1.08.190	221A371092	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29/02/2004	Lâm Đồng		
7	VHU.TAB1.08.191	221A030382	Lương Trần Phương	Thảo	16/12/2004	Đắk Lắk		
8	VHU.TAB1.08.192	211A320105	Đoàn Thanh	Thảo	16/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.08.193	201A100025	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	04/08/2002	Đồng Nai		
10	VHU.TAB1.08.194	211A040073	Lê Thị Kim	Thị	12/04/2003	Vĩnh Long		
11	VHU.TAB1.08.195	211A080250	Trần Ngọc	Thị	02/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.08.196	221A031125	Lê Thị Kim	Thơ	28/09/2004	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.08.197	221A030766	Trương Thị Kim	Thoa	16/01/2004	Đắk Lắk		
14	VHU.TAB1.08.198	211A010083	Phan Huy	Thông	23/03/2003	Vĩnh Long		
15	VHU.TAB1.08.199	211A330002	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	22/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.08.200	221A370228	Hoàng Thị Minh	Thư	25/07/2004	Lâm Đồng		
17	VHU.TAB1.08.201	221A320039	Lê Thị Minh	Thư	09/10/2004	Vĩnh Long		
18	VHU.TAB1.08.202	211A310079	Lê Văn	Thuận	25/03/2003	Bắc Ninh		
19	VHU.TAB1.08.203	211A040126	Đặng Thị Thanh	Thương	13/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.08.204	221A370565	Phan Thị Ngọc	Thương	03/12/2004	Khánh Hoà		
21	VHU.TAB1.08.205	221A230036	Vũ Thị Bích	Thủy	20/06/2004	Gia Lai		
22	VHU.TAB1.08.206	221A360051	Huỳnh Nguyễn Bảo	Thy	04/07/2004	Vĩnh Long		
23	VHU.TAB1.08.207	221A160011	Tống Thị Mỹ	Tiên	22/11/2004	Đồng Tháp		
24	VHU.TAB1.08.208	211A050048	Nguyễn Mai Ngọc	Trâm	20/06/2003	Quảng Ngãi		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.08.209	221A370673	Trần Nguyễn Thuỳ	Trâm	25/10/2004	Gia Lai		
26	VHU.TAB1.08.210	211A080208	Nguy Ngọc	Trâm	04/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.08.211	211A040053	Nguyễn Thị Huyền	Trân	23/02/2003	An Giang		
28	VHU.TAB1.08.212	211A080117	Trần Kim	Trân	25/07/2001	Thành phố Cần Thơ		
29	VHU.TAB1.08.213	221A031003	Nguyễn Thị Huyền	Trân	29/10/2004	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.08.214	221A050729	Mai Thùy	Trang	11/02/2004	Lâm Đồng		
31	VHU.TAB1.08.215	221A140199	Nguyễn Ngọc Hòa	Trang	02/02/2004	Thái Bình		
32	VHU.TAB1.08.216	221A040618	Trương Thị Kiều	Trang	20/07/2004	An Giang		
33	VHU.TAB1.08.217	201A030870	Diệp Quế	Trình	16/10/2002	Đắk Lắk		
34	VHU.TAB1.08.218	221A370087	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	21/06/2004	Khánh Hòa		
35	VHU.TAB1.08.219	201A030039	Trần Thị Thanh	Trúc	20/06/2002	Tây Ninh		
36	VHU.TAB1.08.220	221A370206	Nguyễn Thanh	Trúc	08/05/2004	Gia Lai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 08 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/11/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT07

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.08.221	211A080049	Trần Thanh	Trúc	24/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.08.222	221A310123	Nguyễn Công	Trực	09/03/2004	Gia Lai		
3	VHU.TAB1.08.223	211A030124	Nguyễn Lê Nhật	Trường	08/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.08.224	221A050082	Phạm Văn Tuấn	Tú	16/08/2004	Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.08.225	181A080037	Lê Như	Tú	30/07/2000	Thành Phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.08.226	221A020044	Phan Minh	Tuấn	07/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.08.227	221A371099	Phan Thị Thanh	Tươi	30/07/2004	Quảng Ngãi		
8	VHU.TAB1.08.228	221A030760	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	08/07/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.08.229	221A080191	Phạm Thanh	Tuyền	12/09/2004	An Giang		
10	VHU.TAB1.08.230	201A030429	Đặng Nguyễn Thanh	Tuyền	26/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.08.231	211A050139	Phạm Nguyễn Nhã	Uyên	02/09/2003	Quảng Nam		
12	VHU.TAB1.08.232	221A110006	Nguyễn Phương	Uyên	24/05/2004	Tây Ninh		
13	VHU.TAB1.08.233	221A310151	Đào Thị Tố	Uyên	10/05/2004	Đắk Lắk		
14	VHU.TAB1.08.234	221A371056	Nguyễn Trương Bích	Uyên	11/10/2004	Lâm Đồng		
15	VHU.TAB1.08.235	221A210254	Nguyễn Trần Xuân	Vân	26/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.08.236	201A030833	Đặng Hào	Văn	15/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.08.237	211A080176	Nguyễn Ngọc	Vàng	09/11/2003	Khánh Hoà		
18	VHU.TAB1.08.238	211A030030	Phan Kim	Vàng	10/04/2003	Cà Mau		
19	VHU.TAB1.08.239	211A210173	Nguyễn Thị Hà	Vi	04/10/2003	Lâm Đồng		
20	VHU.TAB1.08.240	201A160126	Huỳnh Thị Kim	Vi	02/01/2002	Lâm Đồng		
21	VHU.TAB1.08.241	221A370069	Nguyễn Vũ Phương	Vi	07/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.08.242	221A370150	Võ Thị Ái	Vi	18/11/2004	Đồng Nai		
23	VHU.TAB1.08.243	211A030593	Nguyễn Tường	Vi	29/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.08.244	201A010004	Đỗ Thế	Việt	09/04/2001	An Giang		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.08.245	201A030558	Nguyễn Thanh	Vinh	08/07/2001	Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.08.246	221A210307	Phạm Thế	Vinh	29/03/2004	Đắk Lắk		
27	VHU.TAB1.08.247	221A031408	Nguyễn Đắc	Vương	12/03/2004	Phú Thọ		
28	VHU.TAB1.08.248	221A030479	Trương Thị Hà	Vy	21/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.08.249	201A210031	Phương Hà Thuý	Vy	08/08/2002	Lâm Đồng		
30	VHU.TAB1.08.250	211A080062	Võ Thị Tường	Vy	15/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.08.251	211A030695	Võ Nguyễn Khánh	Vy	31/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.08.252	211A031084	Trần Văn	Vỹ	24/05/2002	Quảng Ngãi		
33	VHU.TAB1.08.253	151A030250	Trương Cẩm	Xuyên	20/01/1997	Cà Mau		
34	VHU.TAB1.08.254	221A050390	Bùi Thị Như	Ý	09/10/2004	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.08.255	221A310057	Đặng Ngọc Hoàng	Yến	15/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.08.256	211A030627	Lê Hoàng Hải	Yến	29/04/2003	Thành phố Huế		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết